

CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN QUẢNG NGÃI

Báo cáo tạm thời (nhiệm vụ đầu vào lần 1)

Murray Maclean, chuyên gia hệ thống gia súc

17 / 10 / 2002

Giới thiệu

1. Đây là báo cáo tạm thời các công việc đã thực hiện trong thời gian 10 ngày (9-18 / 10 / 2002) của Chuyên Gia Hệ Thống Gia Súc (LSS). Mục đích của báo cáo là tóm tắt ngắn gọn những kết quả mà LSS tìm thấy thể theo phạm vi yêu cầu của nhiệm vụ liên quan tới tình hình hoạt động của Chương Trình Phát triển nông thôn Quảng Ngãi hiện nay.
2. Trong suốt thời gian thực hiện nhiệm vụ, LSS đã làm việc với nhân viên Chương Trình, các viên chức chính quyền địa phương (Sở Kế Hoạch Đầu Tư, Trung Tâm Khuyến Nông, Chi Cục Thú Y) và bà con nông dân ở tất cả các xã có thực hiện trình diễn mô hình vỗ béo bò. LSS được cung cấp nhiều tài liệu liên quan đến Chương Trình và đã quen với phương pháp, mục tiêu của Chương trình. Tuy nhiên vẫn còn thiếu nhiều nội dung sẽ được bổ sung ở đầu vào lần sau.

Nhận xét chung về Phạm vi yêu cầu của nhiệm vụ

3. Căn cứ theo kinh nghiệm đầu vào ở lần làm việc thứ nhất này, LSS có những nhận xét về Phạm vi yêu cầu của nhiệm vụ như sau:
 - a) Phạm vi yêu cầu của nhiệm vụ (TOR) phải đủ rộng lớn để có thể bao gồm hầu hết các hoạt động mà LSS hình dung theo như yêu cầu. Bất kỳ sự nhận xét hay thay đổi nào phần lớn đều liên quan đến việc làm thế nào để các hoạt động phù hợp cụ thể được nhấn mạnh làm nổi bật toàn bộ thông tin của Chương Trình Phát Triển Nông Thôn Quảng Ngãi (QNRDP).
 - b) Theo LSS, hoàn cảnh và điều kiện tổ chức thực hiện các hoạt động chăn nuôi gia súc là một vấn đề có tính quyết định trong thời gian hiện tại. Nói cách khác, xây dựng một mối quan hệ hoạt động có hiệu quả với các Sở Ban Ngành có liên quan là việc làm cần thiết. LSS biết rằng nhân viên QNRDP cũng cho đây là vấn đề quan trọng.
 - c) Nên lưu ý bất kỳ hoạt động chăn nuôi gia súc nào cũng cần phải xem xét đến hệ thống tín dụng do QNRDP thành lập. Ngược lại, việc sắp xếp tổ chức tín dụng nên được thiết kế có cân nhắc đến các hoạt động khuyến nông chăn nuôi gia súc.
 - d) Cần phải có một chiến lược chăn nuôi gia súc, được xây dựng dựa trên kết quả các cuộc họp điều tra vấn đề và xử lý vấn đề, và sự đánh giá về tình hình hệ thống nông trại đang phổ biến. Trong khuôn khổ một chiến lược như vậy, sự phân biệt các can thiệp vào những hoạt động phù hợp với vùng cao và vùng đồng bằng cũng nên được chú trọng.

- e) Đề ra giai đoạn thực hiện của QNRDP trong thời gian hiện tại, ưu tiên cho các hoạt động hướng dẫn chăn nuôi heo bò. Ở giai đoạn này, chăn nuôi gà vịt và dê có thể được cho là các hoạt động thứ yếu.

Thảo luận và đề nghị chung

4. Thu nhập từ chăn nuôi gia súc theo hệ thống qua một thời gian sẽ được cải tiến theo những cách sau:
 - a) Cải tiến sản lượng chăn nuôi, duy trì số lượng đàn gia súc hiện có (được xác định không dựa theo số lượng gia súc mà dựa vào trọng lượng cân được trên từng loại như trâu, bò, heo, gà). Điều này có thể hoặc không thực hiện đi kèm với sự thay đổi về tỉ lệ cân đối giữa các loài gia súc
 - b) Tăng số lượng đàn gia súc sẽ giúp tăng thêm thu nhập ngay cả khi sản lượng nuôi không tăng. Có thể thực hiện thành công việc tăng số lượng bằng cách mua thêm gia súc mới, nhân rộng con giống hay đàn gia súc để nuôi trong thời gian dài hơn.
5. Theo thảo luận, ranh giới hệ thống có thể được ấn định ở nhiều mức độ khác nhau (gia đình, làng, xã v.v..). Có thể có sự tăng giảm không đồng đều trong thu nhập từ chăn nuôi gia súc ở các tiểu hệ thống (các hộ gia đình riêng lẻ/các thành phần kinh tế cá thể lớn), đồng thời cùng lúc cũng có sự tăng giảm trong toàn bộ hệ thống.
6. Cải thiện thu nhập từ chăn nuôi gia súc thực chất là một hoạt động ở phạm vi hộ gia đình, tuy nhiên hàng hóa ở qui mô lớn hơn (xã v.v..) như chất lượng đầu vào và các dịch vụ thì có lẽ cần được dự án giải quyết, nếu như việc tạo thu nhập từ chăn nuôi gia súc được cải thiện.
7. Dự án nên tài trợ thực hiện một chương trình kết hợp mô hình trình diễn (ở phạm vi hộ gia đình và nhóm hộ gia đình) với các hoạt động khuyến nông cung cấp dịch vụ và cải tiến đầu vào (ở phạm vi xã hoặc rộng hơn) nhằm mục đích cải tiến sản lượng chăn nuôi và nâng cao thu nhập. Trong nhiều trường hợp, mô hình trình diễn và các hoạt động ở phạm vi xã sẽ được liên kết với nhau vì lý do kỹ thuật. Ví dụ một mô hình trình diễn về việc nuôi heo cải tiến có thể được kết hợp cùng với chương trình tiêm chủng phòng chống bệnh nhiễm khuẩn ở heo trên phạm vi toàn xã.
8. Chương trình nên cân nhắc việc dùng nguồn tín dụng để gia tăng số lượng gia súc trên cơ sở phân tích làm thế nào mà sự pha trộn kết hợp nhiều nguồn tín dụng khuyến nông khác nhau có thể góp phần cải thiện thu nhập trong các nhóm mục đích. Ví dụ: liệu dự án có nên cung cấp vốn vay với thời hạn trung bình để bà con mua bò giống hay không? Việc này được kết hợp với các hoạt động khuyến nông như thế nào? Việc cho vay vốn như vậy có làm hạn chế quỹ tín dụng sẵn có dành cho những nông dân khác hay không?

9. Việc lựa chọn công nghệ nuôi phải dựa theo yêu cầu của nông dân được miêu tả trong quá trình lập kế hoạch có sự tham gia, và cần có thêm thông tin qua tiếp xúc với nông dân trong suốt quá trình thực hiện các hoạt động khuyến nông và qua các nguồn thông tin khác (chính quyền địa phương, chuyên đi nghiên cứu và các dự án khác). Lượng vốn đầu tư cho bất kỳ qui trình kỹ thuật chăn nuôi nào cũng phải dựa vào hiệu quả kinh tế đầu ra theo mong đợi.
10. Với bất kỳ công nghệ chăn nuôi nào được lựa chọn thì cũng cần hết sức chú trọng đến việc phát triển năng lực cho bà con nông dân để họ có thể đưa ra những quyết định làm ăn hợp lý. Điều này thường đòi hỏi nông dân phải có khả năng tập hợp, lưu trữ và phân tích các dữ liệu khách quan về hoạt động sản xuất và chăn nuôi của mình.
11. Để hỗ trợ công tác khuyến nông, dự án nên xem xét thực hiện các hoạt động nghiên cứu ứng dụng được chọn lựa. Mục đích của các hoạt động này là giúp phát triển hướng dẫn kỹ thuật khuyến nông và giới thiệu các hoạt động khuyến nông trong hiện tại và tương lai. Thường không có ranh giới rõ ràng giữa cái gì là mô hình trình diễn và cái gì được ứng dụng cho nghiên cứu nông trại. Đây không phải là nơi tranh luận các chi tiết của vấn đề này. Nói như vậy cũng đủ để thấy rằng một vài hoạt động nghiên cứu ứng dụng sẽ được tổ chức trên nông trại và một vài hoạt động khác sẽ không được thực hiện.
12. Tính hiệu quả và bền vững sẽ được đáp ứng một cách tốt nhất nếu như nhiều trách nhiệm được giao cho các cơ quan địa phương hoặc những tổ chức có sự ủy nhiệm thích hợp thay phiên nhau đảm trách và có trách nhiệm với bà con nông dân và cộng đồng nằm trong chương trình. Trong khuôn khổ hệ thống nhà nước, Trung tâm khuyến nông được ủy quyền phụ trách các hoạt động khuyến nông và chăn nuôi gia súc, và Chi cục thú y được phân công đảm trách các hoạt động chăm sóc, phòng ngừa và điều trị dịch bệnh cho gia súc gia cầm. Trách nhiệm không chỉ ở lĩnh vực khuyến nông hay cung ứng dịch vụ mà còn phải nhận biết và phát triển các hoạt động khuyến nông. Cần ban hành các quyết định về phạm vi mức độ ủy thác trách nhiệm đối với những hoạt động theo tình hình thực tế.
13. Có lẽ cần phải xây dựng năng lực cho các cơ quan hoặc tổ chức trên để họ có thể hoàn tất các hoạt động một cách thành công. Hy vọng rằng quá trình tập huấn, đào tạo được gắn chặt với các hoạt động sản xuất nông nghiệp của nông dân sẽ tạo nên phần lớn các hoạt động xây dựng năng lực. Một hệ thống hợp đồng kinh tế để thực hiện các hoạt động là biện pháp được ưa chuộng hơn.
14. Các hoạt động khuyến nông chăn nuôi gia súc nên được kết hợp chặt chẽ với các chương trình tín dụng. Khuyến khích bà con nông dân thành lập các nhóm chăn nuôi liên kết với quỹ tín dụng và một phần của quỹ tín dụng có thể dùng chi trả cho chi phí kỹ thuật hay các dịch vụ khác hỗ trợ cho các hoạt động chăn nuôi.

Nhận xét các hoạt động liên quan đến chăn nuôi gia súc hiện nay

15. Chương trình trình diễn mô hình vỗ béo bò là hoạt động chăn nuôi gia súc duy nhất hiện nay thuộc QNRDP. Đây là hoạt động đầu tiên có mục đích giới thiệu cho bà con nông dân cách cải thiện thu nhập. Nhà tư vấn cho rằng chương trình vỗ béo bò là sự đáp ứng phù hợp đối với các cuộc họp điều tra vấn đề và xử lý vấn đề mà nông dân thừa nhận nuôi bò là nguồn thu nhập đầy tiềm năng.
16. Giai đoạn đầu của mô hình trình diễn vỗ béo bò đang được quản lý trên cơ sở nghiên cứu hoạt động. Vì đây là hoạt động đầu tiên của QNRDP về lĩnh vực này nên cần chú trọng nhiều đến việc đảm bảo chất lượng thu thập và phân tích số liệu kỹ thuật, và đầu vào như thức ăn cho bò.
17. Nhìn chung có thể nói rằng mô hình trình diễn đang giới thiệu một hệ thống vỗ béo bò có đầu vào - đầu ra thấp. Nói cách khác, thức ăn dành cho bò rẻ, ít tốn kém và có chất lượng tương đối thấp, trong lúc đầu ra mong đợi theo sự tăng trọng và lợi ích kinh tế mang lại cũng ở mức tương đối thấp. Trong lúc đó đầu vào về thời gian, vật chất và con người của QNRDP lại rất cao (cung cấp bò, làm chuồng, thùng chứa thức ăn, chuyên gia thú y, hệ thống đánh giá, kiểm nghiệm thức ăn, đưa thức ăn về cho nông dân, ghi chép, lưu trữ và phân tích dữ liệu, và quản lý). Có thể chứng minh vấn đề này trong ngữ cảnh, phạm vi của một hoạt động nghiên cứu, nhưng không thể lý giải được vấn đề trong lĩnh vực của một mô hình trình diễn khuyến nông.
18. Mô hình trình diễn vỗ béo bò hiện đang được thực hiện cho thấy nhiều kết quả khác nhau xét về khía cạnh kỹ thuật (tỉ lệ tăng trọng), lợi ích kinh tế và sự quan tâm hưởng ứng của nông dân.
19. Kết quả kỹ thuật: Tỉ lệ tăng trọng trung bình khoảng 380 grams/ngày (từ 0 - 380 g). (Có vài điều nghi ngờ cho rằng trọng lượng của hai loại bò đạt được cao nhất là không chính xác). Tỉ lệ tăng trọng này phản ánh thức ăn đang dùng nuôi bò có chất lượng kém và chi phí tương đối thấp. Tỉ lệ tăng trọng trên từng con bò không phải là số liệu quan trọng nhất để đánh giá, lợi ích kinh tế mang lại mới là yếu tố quan trọng nhất.
20. Kết quả kinh tế: Hiệu quả kinh tế sẽ hoàn toàn không được biết cho đến khi bò được bán ra, theo ước tính hiện tại thì mức trung bình là 340.000đ/con (từ 440.000 - 1.300.000), hoặc 280.000đ/con bao gồm cả chi phí lãi xuất. Đây là sự khác biệt cực kỳ rộng lớn, phản ánh ở một vài loại bò khác nhau đang được vỗ béo (bò trong tình trạng tốt so với bò ốm da bọc xương), và cho thấy dường như chúng đang đáp ứng theo thức ăn. Một vài sự khác biệt có lẽ do bệnh không thể tránh khỏi ở một số bò. Chẳng hạn chúng mắc bệnh mãn tính không thể chữa trị được.
21. Sự quan tâm hưởng ứng của nông dân: Một trong những hậu quả của tỉ lệ tăng trọng tương đối thấp là có vẻ nông dân không mấy quan tâm hứng thú đến việc ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào chăn nuôi và tự mình tiếp tục vỗ béo bò theo cách này. Trong khi đó là lời nhận xét được minh chứng ở một vài trường hợp bị thua lỗ rõ ràng thì cùng lúc nó có thể được cho là một sự phán đoán vội vàng, vì hầu hết nông dân chưa tính toán lời lỗ khi bò được bán. Lúc này nhiều hộ nông dân khi phải chọn

lựa giữa vỗ béo bò bằng phương pháp trên với nuôi bò làm giống thì họ sẽ chọn cách thứ hai. Đây là tình huống có thể chứng minh được. Trong chừng mực nào đó, vỗ béo bò mang tính rủi ro vì bò có thể là vật nuôi tăng trưởng tốt hoặc không tốt, và bà con nông dân phải dùng một vài sự nỗ lực cố gắng, kiến thức chuyên môn và cả sự may mắn để tìm mua được bò tốt với giá cả phải chăng và đúng thời điểm. Khi bán bò họ cũng phải cố gắng bán sao cho được giá. Do đó, nếu hoạt động vỗ béo bò không tỏ ra có lợi ích hơn nhiều so với hoạt động nuôi bò làm giống thì bà con nông dân sẽ ưa chọn hoạt động sau hơn khi cả hai đều đòi hỏi công sức như nhau.

22. Mặc dù mô hình trình diễn vỗ béo bò chưa được hoàn tất nhưng nó đã cho kết quả đầu ra rất khả quan, giúp nông dân có thêm kiến thức và hiểu biết về việc chọn giống bò, về thị trường bò và cách sử dụng rạ để nuôi bò.
23. Chọn bò: Nông dân có được nhiều kinh nghiệm đối với các loại bò có thể hoặc không thể nuôi vỗ béo. Lúc đầu nông dân thường thiên về việc chọn mua bò nhỏ tuổi và khoẻ mạnh để vỗ béo. Làm theo yêu cầu hướng dẫn của dự án, bà con nông dân mua bò gầy ốm, lớn tuổi hơn, và kết quả là tại một vài hộ nuôi, bò đã béo lên và nông dân nhìn thấy rõ ràng rằng bò gầy ốm đang được vỗ béo có hiệu quả hơn nhiều. Đây là một sự thay đổi về thái độ hết sức có ý nghĩa.
24. Thị trường bò: Nông dân hiểu biết nhiều hơn về tầm quan trọng của việc chỉ trả giá tiền thịt cho bò nuôi vỗ béo. Thông thường nông dân phải trả thêm các khoản chi phí khác cho bò đực hoặc bò cái nhỏ tuổi vì thời gian nuôi lâu. Hậu quả là họ có thể mất tiền khi mua loại bò này để vỗ béo.
25. Sử dụng rạ: Nông dân có thể hiểu rằng, khi được trộn lẫn với thức ăn khô đặc như bột bắp, mật đường và urê thì rạ là nguồn thức ăn quý giá có thể dùng để vỗ béo bò.
26. Tỉ lệ pha trộn thức ăn: QNRDP đã hết sức thận trọng trong việc lựa chọn và giới thiệu tỉ lệ pha trộn thức ăn (bao gồm rạ, mật đường, bột bắp và urê) vỗ béo bò. Thời gian giới thiệu thức ăn khá lâu (khoảng 2 tuần), và thức ăn sau cùng được chọn lựa có tỉ lệ chất xơ khá cao (60%). Sau 6 - 8 tuần kể từ khi bắt đầu vỗ béo thì pha trộn urê với tỉ lệ 3% vào thức ăn. Việc cho mật đường vào thức ăn vỗ béo bò có thể được chứng minh là điều hợp lý nếu chuẩn bị được lượng mật đường có sẵn bằng cách sắp xếp, tạo nguồn cung cấp từ nhà máy đường. Nếu một hệ thống như thế được thành lập thì nguồn thức ăn luôn có sẵn với chi phí cực kỳ rẻ, và nếu không thành lập được thì tốt nhất là chấm dứt việc dùng mật đường trong khẩu phần ăn.
27. Lượng thức ăn: QNRDP luôn luôn giữ vững việc đảm bảo làm sao để bò được cho ăn với số lượng nhiều mà chúng có thể ăn được.

Đề nghị riêng cho hoạt động vỗ béo bò

28. QNRDP nên tiếp tục tổ chức các mô hình trình diễn vỗ béo bò ở vùng đồng bằng và rà soát lại tính hiệu quả của mô hình này ở các xã vùng cao. Trong quá trình tiếp tục mô hình trình diễn, cần phải tăng thêm tỉ lệ lượng thức ăn cho bò bao gồm hệ thống nuôi đầu vào-đầu ra cao, mang lại ích kinh tế cao hơn. Tỉ lệ thức ăn phải là sự kết hợp giữa chất cô đặc và chất xơ. Thức ăn cô đặc phải giống tương tự như loại thức ăn đang được giới thiệu trong Dự Án Đa Dạng Nông Nghiệp (ADP).

Thức ăn	1	2	3
Khoai mì	85	65	44
Bột bắp	0	25	50
Protein	10	5	0
Urê	3	3	3
Muối	1	1	1
Bột xương	1	1	2
Tổng cộng	100	100	100

Chú thích:

- Nguồn protein có thể là cá, đậu phụng và đậu nành
- Mật đường có thể dùng thay thế cho khoai mì theo tỉ lệ 1:1kg trong trường hợp mật đường rẻ tiền hơn và dễ có hơn
- Bột xương nên được tăng lên tỉ lệ 2% ở khẩu phần 1 và 2 nếu trong khẩu phần ăn không có bột cá
- Việc lựa chọn giữa các khẩu phần tại nơi trình diễn nên dựa vào giá cả và tính sẵn có của chúng. Tuy nhiên, tất cả các khẩu phần chọn lựa đều phải được miêu tả cặn kẽ cho nông dân trong những ngày thực địa và trong tài liệu kỹ thuật khuyến nông. Một loạt các khẩu phần thức ăn cho bò nên được đưa vào trình diễn để chứng tỏ rằng các khẩu phần ăn khác nhau đều có thể sử dụng được
- Thức ăn có chất xơ phụ thuộc vào giá cả, chất lượng và tính sẵn có. Nếu chỉ có rạ thì nên cho thêm từ 10 -20 kg cám gạo vào mỗi 100 kg thức ăn cô đặc

29. Để tiếp tục mô hình vỗ béo bò, nên phát hành một số cẩm nang hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi và tài liệu khuyến nông. Việc này đã trình bày trong phần TOR của LSS, và có thể được hoàn thành trong một ngày nào đó.

30. Nhìn chung, QNRDP có giảm thiểu đáng kể số lượng tài liệu và nhân viên dành cho đầu vào của các cuộc trình diễn mô hình. Ví dụ: QNRDP chỉ cung cấp kinh phí cho thức ăn và thuốc men, và lưu giữ tất cả các tài liệu kỹ thuật. QNRDP nên xem xét thành lập một hệ thống phiếu dùng cho việc cung cấp đầu vào đến tận tay bà con nông dân tham dự các buổi trình diễn.

31. QNRDP nên mở rộng hơn nữa các địa điểm trình diễn ở 3 xã vùng đồng bằng trong năm 2003. Nếu được hoạt động này nên sắp xếp thời gian sao cho bò được vỗ béo đúng vào dịp phục vụ Tết. Trong trường hợp này họ cần phải bắt đầu công việc vào

giữa tháng 12. Làm việc này sẽ áp dụng các hướng dẫn kỹ thuật khuyến nông và chăn nuôi mới.

32. QNRDP nên xem xét phát triển cái được gọi là "công nghệ giai đoạn 2" để so sánh với các mô hình trình diễn vỗ béo bò. Điều này bao gồm:
 - a) Cỏ voi/ thức ăn khác
 - b) Cải tiến quản lý nguồn cỏ voi hiện có
 - c) Biogas
33. QNRDP biết rằng Trung tâm khuyến nông (EC) là cơ quan nhà nước đảm trách các hoạt động đẩy mạnh chăn nuôi, có nhiều kinh nghiệm trong chăn nuôi vỗ béo bò (phần lớn thông qua Dự Án đa dạng nông nghiệp). QNRDP cho rằng Trạm khuyến nông (ED) nên tham gia gắn bó chặt chẽ vào chương trình vì họ có đội ngũ nhân viên có chuyên môn có thể đóng góp nhiều điều giá trị cho chương trình. LSS tích cực ủng hộ vấn đề này và khuyến nghị QNRDP xem xét triển khai một hệ thống hợp đồng để ED có thể tham gia đảm trách và có trách nhiệm đối với việc thực hiện, giám sát và đánh giá các hoạt động khuyến nông (bao gồm cả việc tập hợp số liệu và báo cáo), có sự hỗ trợ kỹ thuật của QNRDP. Có được mối quan hệ tốt với ED thì QNRDP có thể tham khảo và sử dụng các tài liệu hiện có của ADP. Một hợp đồng như vậy đang được thực thi thành công ở ADP, và QNRDP có thể dựa theo hệ thống này để xây dựng một hợp đồng có sửa đổi sao cho phù hợp với mình. Sẽ mất một thời gian để thành lập hệ thống hợp đồng, vì thế cần thiết lập sự hợp tác tạm thời với EC bằng cách cho nhân viên thăm, làm việc và tập huấn với nhau, etc...
34. QNRDP nên xem xét chấm dứt mô hình trình diễn vỗ béo bò ở các xã vùng cao, chờ cho đến khi có được sự phân tích chi tiết các cơ hội thuận lợi nhằm cải thiện thu nhập từ chăn nuôi bò trên địa bàn này. Nhìn chung, có thể nhận thấy rằng các hoạt động cải thiện thu nhập từ chăn nuôi gia súc ở vùng cao có khác nhiều so với vùng đồng bằng. Các chương trình chăm sóc dịch bệnh cho gia súc sẽ đóng một vai trò chủ đạo ở những vùng đất cao (ví dụ: chương trình tiêm chủng vắc xin, đào tạo bác sĩ thú y). Trong trường hợp đó thì có lẽ một số vai trò sẽ thuộc về các Trạm thú y. Khi xem xét một chương trình như vậy, QNRDP cần phải thấy rằng một vùng mục tiêu rộng lớn hơn nhiều so với phạm vi một xã có thể là điều mong muốn nhằm cải thiện hiệu quả của các hoạt động, chấp nhận đặc tính của dịch bệnh và sự thả rông, di chuyển của vật nuôi.
35. Nếu vỗ béo bò được tổ chức thành công ở vùng đồng bằng thì nhu cầu về loại bò ốm dành để nuôi vỗ béo sẽ gia tăng. Vì những vùng cao là nguồn cung cấp loại bò ốm dành để nuôi vỗ béo này nên nông dân ở vùng cao sẽ là những người gián tiếp hưởng lợi từ việc vỗ béo bò ở vùng đồng bằng. Phạm vi địa lý, địa bàn hoạt động của QNRDP là có giới hạn, và điều này làm hạn chế tác động, ảnh hưởng của các mô hình trình diễn đến hệ thống chăn nuôi gia súc trên phạm vi toàn tỉnh. Ngược lại, ADP được triển khai trên phạm vi toàn tỉnh và vào cuối năm 2003 sẽ tổ chức được khoảng 12 lần trình diễn mô hình vỗ béo bò ở mỗi huyện thuộc vùng đồng bằng của Quảng Ngãi. QNRDP có thể có ảnh hưởng qua lại với việc làm của ADP.
36. Nên xem xét, phát triển thị trường bò nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc bán bò từ vùng cao đến vùng đồng bằng.

Tóm tắt những đề nghị cho bước tiếp theo

37. Tiếp tục thực hiện hoạt động vỗ béo bò ở các xã chương trình và mở rộng đến những hộ nông dân mới, điều chỉnh lại cách hướng dẫn kỹ thuật khuyến nông chăn nuôi. Nhân mạnh đầu vào dự án thấp và mở rộng hệ thống chăn nuôi, bao gồm hệ thống đầu vào-đầu ra cao. Nên bắt đầu vỗ béo bò nhằm vào thời gian tiêu thụ, phục vụ trong dịp Tết. Tiếp tục xem xét những khả năng có thể nhằm cải tiến cơ hội có được mật đường dùng làm thức ăn cho bò.

38. Thành lập các nhóm hộ gia đình sản xuất chăn nuôi từ những nông dân có quan tâm hưởng ứng và có áp dụng mô hình vỗ béo bò. Xem xét phát triển " công nghệ giai đoạn hai"

39. Thực hiện nghiên cứu đặc biệt nhằm vạch ra chiến lược gia súc gia cầm cho những vùng cao. Chiến lược này có thể khác nhiều so với vùng đồng bằng (sức khỏe, thú y, con giống/gen, thị trường). Xem xét phát triển thị điểm chợ mua bán gia súc sống.

40. Phát triển và thực hiện mô hình trình diễn vỗ béo bò cho các vùng đồng bằng bắt đầu từ tháng 12 đến tháng 1. Nguyên tắc tăng trọng heo cũng tiến hành tương tự như ở bò.

41. Phát triển các nhóm trình diễn/nuôi bò giống ở vùng đồng bằng, tập trung đáp ứng nguồn thức ăn cho các nhu cầu chăn nuôi nhằm cải thiện lợi nhuận.

42. Ưu tiên xây dựng mối liên lạc và quan hệ có hiệu quả với Sở Nông Nghiệp Phát Triển Nông Thôn (Trung tâm khuyến nông, Chi cục thú y).

43. Vạch ra chiến lược tín dụng đi đôi với chiến lược khuyến nông chăn nuôi gia súc. Gắn chặt hoạt động tín dụng với đầu vào và các dịch vụ. Phát triển cảm nang hướng dẫn giám sát và đánh giá nguồn vốn vay nuôi gia súc. Khi thành lập hệ thống tín dụng, cần dự tính trước vai trò của vốn tín dụng QNRDP và vai trò nguồn vốn từ Ngân Hàng Phát Triển nông Thôn (VBARD) để đạt được mục tiêu của dự án.

Phụ lục 1: Thời gian biểu hoạt động đầu vào lần 1 (từ 9 - 18 / 10 / 2002)

Ngày	Thời gian	Nội dung hoạt động
9/10	am	Rời khỏi Huế, đi Đà Nẵng gặp Mark Hoey
	pm	Đến Quảng Ngãi
		Làm việc ở văn phòng QNRDP, rà soát tài liệu.
10/10	am/pm	Kiểm tra rà soát lại tài liệu dự án và số liệu vỗ béo bò Lên kế hoạch họp với EC và Chi cục thú y
	pm	3.00 pm họp với ông Cường, cán bộ thú y
11/10	am	Tổng hợp và phân tích tài liệu, số liệu bò
	pm	Tổng hợp và phân tích tài liệu, số liệu bò
12/10	am	Khảo sát thực địa 2 địa điểm vỗ béo bò ở huyện Sơn Tịnh
	pm	Làm việc tại văn phòng QNRDP, thảo luận với Mark Hoey
13/10	am	Tổng hợp tài liệu
	pm	Đi thăm 1 địa điểm vỗ béo bò và một địa điểm nuôi bò giống ở huyện Tư Nghĩa (Huyện ngoài dự án)
14/10	am	Thăm trại bò ở Đức Phong
	pm	Tổng hợp tài liệu, chuẩn bị báo cáo
15/10	am	Họp với Trung tâm khuyến nông
	pm	Tổng hợp tài liệu, chuẩn bị báo cáo
16/10	am	Thăm 2 trại bò ở Sơn Hải
	pm	Thăm làm việc ở Huyện Sơn Hà với ông Cao Hối (bò sữa, bò thịt)
17/10	am	Gặp làm việc với Chi cục thú y Quảng Ngãi Thảo luận với Stephen ở QNRDP
	pm	Làm báo cáo
18/10		Rời khỏi Quảng Ngãi